

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **1495/2018/QĐST-HNGĐ**

B, ngày 23 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 2178/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/9/2018 về việc “Xin ly hôn” giữa:

* *Nguyên đơn:* Ông **Phan Văn M**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: 223/87, KP.2, phường Q, TP.B, tỉnh Đồng Nai.

* *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 18/21/39/6, đường 30/4, KP.4, phường Q, TP.B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị X.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị X thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có hai cháu là Phan Minh T, sinh ngày 15/5/1995 và Phan Minh T1, sinh ngày 08/6/2004. Đối với cháu Minh T đã trưởng thành có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết. Ly hôn, giao cháu Minh T1 cho bà X trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông M cấp dưỡng nuôi cháu T1 10.000.000đ/tháng (mười triệu đồng/tháng) kể từ ngày quyết định này có hiệu lực cho đến khi cháu trưởng thành và có khả năng lao động.

Ông M được quyền tự do đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, hai bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về án phí: ông M tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí HNGĐ-ST hòa giải thành và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 009205/THA ngày 06/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Đường sự;
- VKS ND TP.B;
- Chi cục THADS TP.B;
- UBND phường Q.

THẨM PHÁN

Thái Thị Thanh Bình